

Số: /QĐ-CĐSP

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 10 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố điểm chuẩn và công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển
đợt xét tuyển sớm trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ vào nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm quy định tại Điều 10, Điều lệ Trường Cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 23/2022/TT – BGDDT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 34/QĐ-CĐSP ngày 07/3/2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu về Quy chế Tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Đề án số 398/ĐA-CĐSP ngày 05/6/2024 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa - Vũng Tàu về Tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non năm 2024;

Căn cứ kết quả đăng ký xét tuyển của các thí sinh vào ngành Giáo dục Mầm non và biên bản họp Hội đồng tuyển sinh ngày 08/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố điểm chuẩn và công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển đợt xét tuyển sớm vào ngành Giáo dục Mầm non khóa 28 hệ chính quy năm 2024 (có danh sách kèm theo), cụ thể như sau:

Ngành	Mã ngành	Điểm chuẩn		
		Xét theo điểm thi tốt nghiệp THPT trước năm 2024	Xét theo kết quả học tập bậc THPT (học bạ)	Xét theo kết quả thi ĐGNL của ĐHQG TP. HCM năm 2024
Giáo dục Mầm non	51140201	20 điểm	22.5 điểm	700 điểm

Điều 2. Các ông/bà Trưởng Phòng Đào tạo - Bồi dưỡng và Hợp tác quốc tế, Trưởng phòng Công tác chính trị và Học sinh, sinh viên, trưởng các bộ phận liên quan và những thí sinh ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ĐTBĐHTQT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. Phan Thế Hải

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN SỚM NĂM 2024
NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

DỰA TRÊN ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP THPT TRƯỚC NĂM 2024,
KẾT QUẢ HỌC TẬP BẬC THPT (HỌC BẠ)
VÀ KẾT QUẢ THI ĐGNL ĐHQG TP. HCM NĂM 2024

(Kèm Quyết định số: 487/QĐ-CDSP ngày 10/7/2024 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sư phạm Bà Rịa-Vũng Tàu)

TT	Họ	Tên	GT	Ngày sinh	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm ƯT ĐT	Điểm ƯT KV	Điểm ƯT quy đổi	Tổng điểm 3 môn	Tổng Điểm xét tuyển	Ghi chú
1	Lê Hồ Anh	Thư	Nữ	13/1/2004	8,25	8,40	7,80				24,45	24,45	THPT
2	Đặng Mai Hà	My	Nữ	11/11/2004	7,25	7,75	8,50		0,50	0,43	23,50	23,93	THPT
3	Lê Ngọc Thiên	Trang	Nữ	23/05/2004	6,75	7,50	9,25				23,50	23,50	THPT
4	Phạm Thị Ái	Linh	Nữ	13/1/2004	7,00	8,00	8,25				23,25	23,25	THPT
5	Vũ Ngọc	Anh	Nữ	02/04/2005	6,50	7,00	9,50		0,25	0,23	23,00	23,23	THPT
6	Nguyễn Thảo	Nguyên	Nữ	15/11/2004	6,50	7,40	9,25				23,15	23,15	THPT
7	Ngô Hoàng Phương Uyên		Nữ	16/2/2005	7,25	6,75	8,50		0,25	0,25	22,50	22,75	THPT
8	Nguyễn Vũ Phương Trinh		Nữ	21/11/2004	6,50	7,00	9,25				22,75	22,75	THPT
9	Phạm Thị Kim	Ngân	Nữ	27/5/2004	5,00	7,50	9,50				22,00	22,00	THPT
10	Mai Nguyễn Quỳnh Anh		Nữ	8/6/2005	7,00	5,25	8,75		0,50	0,50	21,00	21,50	THPT
11	Lê Thị Ngọc	Trân	Nữ	18/12/2005	6,00	5,80	8,25		0,50	0,50	20,05	20,55	THPT
12	Trần Thị Phương	Dung	Nữ	14/12/2005	5,75	6,00	8,25		0,50	0,50	20,00	20,50	THPT
13	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyết	Nữ	29/5/2006	8,17	9,33	9,57		0,50	0,20	27,07	27,27	HB
14	Lê Thị Bích	Quân	Nữ	30/4/2006	8,50	9,20	9,07		0,50	0,22	26,77	26,99	HB
15	Nguyễn Thị Như	Nguyễn	Nữ	7/10/2006	8,10	9,20	9,27		0,75	0,34	26,57	26,91	HB
16	Trần Thị Mỹ	Linh	Nữ	18/3/2006	7,47	8,83	9,70		0,50	0,27	26,00	26,27	HB
17	Lương Bảo	An	Nữ	1/12/2006	7,87	8,97	9,00		0,25	0,14	25,83	25,97	HB
18	Trương Mỹ	Dung	Nữ	26/3/2006	8,00	8,40	9,27		0,50	0,29	25,67	25,96	HB
19	Dương Thị Minh	Thư	Nữ	1/6/2006	8,17	8,83	8,70		0,25	0,14	25,70	25,84	HB
20	Huỳnh Phương	Thảo	Nữ	1/5/2006	8,10	8,57	8,93		0,25	0,15	25,60	25,75	HB
21	Lê Phương Ngọc	Ánh	Nữ	2/4/2006	8,10	7,87	9,13		0,25	0,16	25,10	25,26	HB
22	Lê Kiều Mỹ	Vân	Nữ	15/7/2006	8,00	8,37	8,60		0,25	0,17	24,97	25,14	HB
23	Tạ Nguyễn Anh	Thư	Nữ	29/5/2006	8,03	8,07	8,63		0,50	0,35	24,73	25,08	HB
24	Võ Thị Mỹ	Uyên	Nữ	9/7/2006	7,60	8,53	8,57		0,50	0,35	24,70	25,05	HB
25	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	Nữ	4/12/2005	7,23	8,23	9,13		0,50	0,36	24,60	24,96	HB
26	Vũ Hoàng Anh	Thư	Nữ	8/6/2006	7,47	8,63	8,50		0,50	0,36	24,60	24,96	HB

TT	Họ Tên	GT	Ngày sinh	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T ĐT	Điểm U.T KV	Điểm U.T quy đổi	Tổng điểm 3 môn	Tổng Điểm xét tuyển	Ghi chú
27	Nguyễn Thị Khánh Hoàn	Nữ	6/8/2006	7,13	8,50	8,90		0,25	0,18	24,53	24,71	HB
28	Lê Thị Diệu Mẫn	Nữ	21/5/2006	7,77	8,33	8,40		0,25	0,18	24,50	24,68	HB
29	Bùi Phạm Thùy Tiên	Nữ	25/3/2006	6,83	8,30	9,10		0,50	0,38	24,23	24,61	HB
30	Nguyễn Thị Quế Trân	Nữ	1/12/2004	7,40	8,53	8,67				24,60	24,60	HB
31	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	Nữ	13/5/2006	6,93	9,03	8,40		0,25	0,19	24,37	24,56	HB
32	Đỗ Hoàng Như Quỳnh	Nữ	7/9/2006	7,07	8,53	8,47		0,50	0,40	24,07	24,47	HB
33	Trần Thị Thu Hà	Nữ	13/4/2006	7,30	8,23	8,50		0,50	0,40	24,03	24,43	HB
34	Trần Thị Thu Ngân	Nữ	03/08/2006	7,20	7,63	8,37	1,00	0,25	1,23	23,20	24,43	HB
35	Trương Thị Thúy Vy	Nữ	28/12/2006	6,53	8,27	9,17		0,50	0,40	23,97	24,37	HB
36	Phạm Thị Trúc Ly	Nữ	23/8/2004	6,70	8,70	8,93				24,33	24,33	HB
37	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Nữ	19/5/2006	6,97	8,70	8,47		0,25	0,20	24,13	24,33	HB
38	Trần Thị Lan Anh	Nữ	18/5/2006	7,63	8,37	7,90		0,50	0,41	23,90	24,31	HB
39	Trịnh Quỳnh Anh	Nữ	21/4/2006	7,57	8,23	8,30		0,25	0,20	24,10	24,30	HB
40	Nguyễn Lê Nhựt Quỳnh	Nữ	25/2/2006	6,07	8,77	9,03		0,50	0,41	23,87	24,28	HB
41	Trương Thị Ánh Ngọc	Nữ	13/1/1988	7,20	8,10	8,97				24,27	24,27	HB
42	Đinh Thị Ngọc Huyền	Nữ	20/2/2005	6,93	8,57	8,33		0,50	0,41	23,83	24,24	HB
43	Nguyễn Thị Tuyết Hân	Nữ	1/3/2004	7,63	8,37	8,23				24,23	24,23	HB
44	Nguyễn Thị Mai Hiền	Nữ	4/11/2006	7,40	8,20	8,13		0,50	0,42	23,73	24,15	HB
45	Đặng Phi Phụng	Nữ	24/10/2000	7,77	7,97	8,40				24,13	24,13	HB
46	Nguyễn Thị Phương Mai	Nữ	18/10/2006	7,40	8,17	8,30		0,25	0,20	23,87	24,07	HB
47	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	14/3/2006	7,37	8,30	7,97		0,50	0,42	23,63	24,05	HB
48	Trần Nguyễn Tiểu My	Nữ	27/03/2003	6,90	8,73	8,37				24,00	24,00	HB
49	Lý Lâm Thanh Ngân	Nữ	6/7/2006	6,37	8,43	8,77		0,50	0,43	23,57	24,00	HB
50	Trần Phương Thảo	Nữ	14/10/2006	6,97	7,07	8,63	1,00	0,25	1,24	22,67	23,91	HB
51	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Nữ	7/10/2006	7,00	7,90	8,17		0,75	0,69	23,07	23,76	HB
52	Trần Kim Ngân	Nữ	24/4/2006	7,60	8,20	7,73		0,25	0,22	23,53	23,75	HB
53	Huỳnh Thị Mỹ Linh	Nữ	22/10/2006	6,57	8,20	8,43		0,50	0,45	23,20	23,65	HB
54	Nguyễn Thị Ly	Nữ	2/1/2004	7,53	8,33	7,70				23,57	23,57	HB
55	Nguyễn Thị Hồng Ngân	Nữ	16/09/2006	7,63	7,33	8,10		0,50	0,46	23,07	23,53	HB
56	Phan Thị Ngọc Giàu	Nữ	19/11/2005	5,90	8,43	8,70		0,50	0,46	23,03	23,49	HB
57	Hà Thị Châu	Nữ	15/9/2003	7,07	7,87	8,53				23,47	23,47	HB
58	Lê Thị Tuyết Như	Nữ	24/3/2006	7,67	7,00	8,53		0,25	0,23	23,20	23,43	HB
59	Lê Thị Phương Lan	Nữ	18/11/2006	6,70	7,70	8,53		0,50	0,47	22,93	23,40	HB
60	Nguyễn Phạm Ý Thy	Nữ	2/10/2006	7,27	7,67	8,00		0,50	0,47	22,93	23,40	HB

TT	Họ	Tên	GT	Ngày sinh	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U.T ĐT	Điểm U.T KV	Điểm U.T quy đổi	Tổng điểm 3 môn	Tổng Điểm xét tuyển	Ghi chú
61	Nguyễn Thị Kim	Tiền	Nữ	12/11/2006	7,27	7,77	7,90		0,50	0,47	22,93	23,40	HB
62	Đặng Thị Kiều	Nương	Nữ	10/2/2005	7,77	7,00	8,15		0,50	0,47	22,92	23,39	HB
63	Trần Thị Ngọc	Mai	Nữ	21/9/2006	7,17	7,73	8,00		0,50	0,47	22,90	23,37	HB
64	Lý Võ Kim	Giàu	Nữ	6/11/2006	7,40	7,03	8,43		0,50	0,48	22,87	23,35	HB
65	Phạm Thị Thanh	Thảo	Nữ	16/10/2006	7,67	7,23	7,90		0,50	0,48	22,80	23,28	HB
66	Huỳnh Thị Bạch	Nga	Nữ	2/9/2006	6,90	7,67	8,47		0,25	0,23	23,03	23,26	HB
67	Trần Quỳnh	Như	Nữ	9/6/2006	7,07	7,47	8,23		0,50	0,48	22,77	23,25	HB
68	Lý Lâm Ngọc	Diễm	Nữ	23/8/2004	6,47	8,53	8,23				23,23	23,23	HB
69	Nguyễn Phương Tiể	Ngọc	Nữ	23/1/2006	6,93	8,27	7,43		0,50	0,49	22,63	23,12	HB
70	Bùi Thị Thúy	Hiền	Nữ	04/11/2006	6,43	8,10	8,10		0,50	0,49	22,63	23,12	HB
71	Đỗ Huyền	Trang	Nữ	30/9/2006	6,97	7,47	8,43		0,25	0,24	22,87	23,11	HB
72	Phạm Thị Phương	Linh	Nữ	14/1/2006	6,97	7,90	7,73		0,50	0,49	22,60	23,09	HB
73	Lê Mạc Gia	Hân	Nữ	9/12/2006	6,60	7,50	8,47		0,50	0,50	22,57	23,07	HB
74	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	Nữ	10/1/2006	6,83	7,77	7,97		0,50	0,50	22,57	23,07	HB
75	Nguyễn Thị Thanh	Lý	Nữ	27/1/2006	7,47	7,27	7,83		0,50	0,50	22,57	23,07	HB
76	Nguyễn Ngọc Diệu	Hân	Nữ	01/11/2006	6,83	6,80	9,20		0,25	0,24	22,83	23,07	HB
77	Trịnh Mai	Trâm	Nữ	2/1/2004	6,07	8,10	8,80				22,97	22,97	HB
78	Lê Thị Thanh	Vy	Nữ	11/5/2006	6,00	8,17	8,30		0,50	0,50	22,47	22,97	HB
79	Nguyễn Hoàng Min	Thư	Nữ	11/7/2006	6,13	8,00	8,57		0,25	0,24	22,70	22,94	HB
80	Trần Lê Bảo	Nhi	Nữ	5/12/2006	7,50	7,20	7,73		0,50	0,50	22,43	22,93	HB
81	Hoàng Thị Bích	Thảo	Nữ	7/1/2006	7,47	7,50	7,43		0,50	0,50	22,40	22,90	HB
82	Trương Thị Tâm	Như	Nữ	8/11/2006	6,77	7,90	7,73		0,50	0,50	22,40	22,90	HB
83	Nguyễn Lê Khánh	Ngọc	Nữ	16/11/2006	7,23	7,27	7,90		0,50	0,50	22,40	22,90	HB
84	Nguyễn Thị Bích	Phượng	Nữ	24/3/2006	6,87	7,73	7,73		0,50	0,50	22,33	22,83	HB
85	Văng Thị Bảo	Xuyên	Nữ	20/7/2006	6,07	7,70	8,57		0,50	0,50	22,33	22,83	HB
86	Phạm Băng	Băng	Nữ	25/10/2006	6,97	7,47	7,90		0,50	0,50	22,33	22,83	HB
87	Trần Gia	Linh	Nữ	16/07/2006	6,30	7,80	8,47		0,25	0,25	22,57	22,82	HB
88	Bùi Thị	Linh	Nữ	19/9/2006	6,47	8,07	7,77		0,50	0,50	22,30	22,80	HB
89	Trần Thị Như	Quỳnh	Nữ	3/10/2006	7,07	7,63	7,53		0,50	0,50	22,23	22,73	HB
90	Nguyễn Thị Như	Ý	Nữ	13/7/2006	6,87	7,23	8,10		0,50	0,50	22,20	22,70	HB
91	Đỗ Thị	Hạnh	Nữ	13/11/2006	6,70	7,73	7,77		0,50	0,50	22,20	22,70	HB
92	Hoàng Thu	Thùy	Nữ	28/10/2006	6,90	7,30	7,97		0,50	0,50	22,17	22,67	HB
93	Trương Ngọc Đông	Nghi	Nữ	17/12/2006	7,07	7,33	7,77		0,50	0,50	22,17	22,67	HB
94	Nguyễn Thị Thu	Hường	Nữ	21/4/2006	6,90	7,73	7,77		0,25	0,25	22,40	22,65	HB

TT	Họ	Tên	GT	Ngày sinh	Điểm môn 1	Điểm môn 2	Điểm môn 3	Điểm U'T ĐT	Điểm U'T KV	Điểm U'T quy đổi	Tổng điểm 3 môn	Tổng Điểm xét tuyển	Ghi chú
95	Trần Anh	Thư	Nữ	17/2/2006	7,00	7,20	8,10		0,25	0,25	22,30	22,55	HB
96	Dương Hồng	Mai	Nữ	09/06/2006	7,07	7,53	7,43		0,50	0,50	22,03	22,53	HB
97	Dương Thị	Hiếu	Nữ	15/04/2001	5,97	7,10	7,43	2,00		2,00	20,50	22,50	HB
98	Nguyễn Lê Thiên	Ngọc	Nữ	02/05/2006								700	ĐGNL

Danh sách này gồm 98 thí sinh.